

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND phường 1)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	6.543.064.425	Tổng số chi	6.543.064.425
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	16.206.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	1.124.741.267	II. Chi thường xuyên	5.549.560.150
III. Thu bổ sung	4.569.481.100	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	993.504.275
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.826.520.000		
- Bổ sung có mục tiêu	742.961.100		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	832.636.058		
Kết dư ngân sách	0		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND phường 1)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.306.000.000	4.690.000.000	7.253.162.279	6.543.064.425	136,70	139,51
I	Các khoản thu 100%	30.000.000	30.000.000	16.206.000	16.206.000	54,02	54,02
1	Phí, lệ phí	25.000.000	25.000.000	16.206.000	16.206.000		
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác				0		
3	Thu từ hoạt động kinh tế sự nghiệp				0		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				0		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định				0		
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				0		
7	Đóng góp của nhân dân theo quy định				0		
8	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân				0		
9	Thu khác	5.000.000	5.000.000	0	0	0,00	0,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	1.365.000.000	749.000.000	1.834.839.121	1.124.741.267	134,42	150,17
1	Các khoản thu phân chia	1.365.000.000	749.000.000	1.834.839.121	1.124.741.267	134,42	150,17
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	75.000.000	75.000.000	323.964.812	323.964.812	431,95	431,95
-	Lệ phí môn bài từ hộ cá nhân, hộ kinh doanh	35.000.000	17.500.000	38.700.000	27.090.000	110,57	154,80
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	145.000.000	101.500.000	187.976.841	131.583.799	129,64	129,64
-	Thuế sử dụng đất						
-	Thuế GTGT	540.000.000	270.000.000	445.230.883	222.619.255	82,45	82,45
-	Thuế thu nhập cá nhân	570.000.000	285.000.000	838.966.585	419.483.401	147,19	147,19
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
2	Khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định						
III	Thu viên trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã(nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			832.636.058	832.636.058		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung cân đối cấp trên	3.911.000.000	3.911.000.000	4.569.481.100	4.569.481.100	116,84	116,84
1	Thu bổ sung cân đối	3.811.000.000	3.811.000.000	3.826.520.000	3.826.520.000	100,41	100,41
2	Thu bổ sung có mục tiêu	100.000.000	100.000.000	742.961.100	742.961.100	742,96	742,96

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND phường 1)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.690.000.000	0	4.690.000.000	6.543.064.425	0	6.543.064.425	139,51		139,51
1	Chi quốc phòng -an ninh	672.400.000		672.400.000	698.298.040		698.298.040	103,85		103,85
2	Chi giáo dục	45.000.000		45.000.000	51.166.787		51.166.787	113,70		113,70
3	Chi văn hóa, thông tin	36.720.000		36.720.000	69.883.760		69.883.760	190,32		190,32
4	Chi y tế				17.921.896		17.921.896			
5	Chi thể dục thể thao	15.570.000		15.570.000	15.570.000		15.570.000	100,00		100,00
6	Chi phát thanh, truyền thanh	9.000.000		9.000.000	8.504.000		8.504.000	94,49		94,49
7	Chi bảo vệ môi trường	20.000.000		20.000.000	19.000.000		19.000.000	95,00		95,00
8	Chi công tác xã hội	61.300.000		61.300.000	79.299.430		79.299.430	129,36		129,36
9	Chi các hoạt động kinh tế	67.530.000		67.530.000	101.378.864		101.378.864	150,12		150,12
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.649.480.000		3.649.480.000	4.468.587.373		4.468.587.373	122,44		122,44
11	Chi khác	21.000.000		21.000.000	19.950.000		19.950.000	95,00		95,00
12	Dự phòng	92.000.000		92.000.000	0			0,00		0,00
13	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau	0			993.504.275		993.504.275			
14	Chi tạo nguồn CCTL	0								

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND phường 1)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán năm 2024			
			Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó: Thanh toán khối lượng năm trước	Chi theo nguồn vốn năm 2024	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ		1.437.357.000	543.337.600	1.209.218.109	1.205.058.109	50.000.000	729.456.109	425.602.000
I	Công trình chuyển tiếp		494.939.000	167.364.600	474.214.000	472.608.000	50.000.000	255.830.000	166.778.000
1	Chống úng cục bộ phường 1	2023	215.998.000		195.273.000	195.257.000		195.257.000	
2	Bê tông giao thông nội Phường 1	2023	278.941.000	167.364.600	278.941.000	277.351.000	50.000.000	60.573.000	166.778.000
II	Công trình khởi công mới		942.418.000	375.973.000	735.004.109	732.450.109	0	473.626.109	258.824.000
1	Điện chiếu sáng hẻm kiệt, các tuyến đường tại Phường 1, 2, 3. Hạng mục Hệ thống điện chiếu sáng hẻm, kiệt Phường 1 năm 2024.	2024	95.346.000	20.891.000	90.108.109	89.649.109		68.758.109	20.891.000
2	Bê tông hóa giao thông nội phường năm 2024; Hạng mục: Bê tông hóa giao thông nội Phường 1 (Kiệt 17 Nguyễn Viết Xuân)	2024	333.412.000	193.165.000	333.412.000	333.165.000		140.000.000	193.165.000
3	Chống úng cục bộ Phường 1; Hạng mục: Kiệt 38 Trần Phú	2024	107.949.000		102.809.000	102.200.000		102.200.000	
4	Bê tông hóa đường giao thông năm 2024; Hạng mục: Bê tông hóa giao thông nội Phường 1 (Kiệt 20 Phan Thành Chung và Kiệt Trần Cao Vân)	2024	211.528.000	126.917.000	20.185.000	20.185.000		10.417.000	9.768.000
5	Điện chiếu sáng đường Nguyễn Hữu Thuận	2024	194.183.000	35.000.000	188.490.000	187.251.000		152.251.000	35.000.000

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND phường 1)

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
I. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	71.354.000	103.830.000	7.574.000	62.860.000	49.528.900	21.570.100
1.1 Quỹ đền ơn đáp nghĩa	14.919.000	8.400.000	6.519.000	8.400.000	6.000.000	8.919.000
- Thu kết dư năm trước	6.519.000		6.519.000			6.519.000
- Trong năm	8.400.000	8.400.000	0	8.400.000	6.000.000	2.400.000
1.2 Quỹ chăm sóc người cao tuổi	15.055.000	14.000.000	1.055.000	14.410.000	7.863.900	7.601.100
- Thu kết dư năm trước	1.055.000		1.055.000			1.055.000
- Trong năm	14.000.000	14.000.000	0	14.410.000	7.863.900	6.546.100
1.3 Quỹ vì người nghèo	41.380.000	81.430.000	0	40.050.000	35.665.000	5.050.000
- Thu kết dư năm trước	665.000	40.715.000				665.000
- Trong năm	40.715.000	40.715.000		40.050.000	35.665.000	4.385.000